

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 306/2024/DS-PT

Ngày: 24-7-2024

Về việc “tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Võ Thị Q, sinh năm: 1967; địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022).

- Bị đơn:

1. Ông Trương Văn T1, sinh năm: 1947;

2. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1956;

Cùng địa chỉ: số B, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: bị đơn, ông Trương Văn T1, bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T do bà Võ Thị Q đại diện trình bày:

Ngày 01/02/2012, ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H có vay của ông Nguyễn Thanh T số tiền 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng. Việc vay tiền có lập thành văn bản là “Biên nhận” ngày 01/02/2012, do bà H viết và có chữ ký xác nhận nợ của ông T1 và bà H. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay cho đến nay, ông T1 và bà H không trả cho ông T khoản tiền lãi và tiền nợ vay nào nên ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H liên đới trả lại số tiền nợ vay là 590.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H thống nhất trình bày:

Ông bà thừa nhận “Biên nhận” ngày 01/02/2012 là do ông bà viết và ký tên nhưng do ông Nguyễn Thanh T ép buộc. Trước đây, ông bà có vay tiền của ông T nhiều lần, mỗi lần 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể ngày vay tiền, tổng cộng số tiền đã vay của ông T là 135.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*), lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ông bà đã trả lãi cho ông T đầy đủ đến cuối năm 2019 thì ngưng; việc đóng lãi, ông T không viết giấy biên nhận và ông bà cũng không ghi sổ theo dõi việc trả lãi. Sau đó, ông T có dẫn người vô nhà đe dọa, ép buộc ông T1 và bà H ký vào giấy nợ là “Biên nhận” ngày 01/02/2012, ông T còn “siết nợ” 02 cây mai kiểng và buộc ông bà trả thêm một số tiền xem như hết nợ. Vì ông bà đã trả lãi cho ông T rất nhiều lần trong một thời gian dài, số tiền lãi đã trả còn lớn hơn số tiền nợ 135.000.000 đồng nên không đồng ý trả số tiền nợ vay 590.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H.

Buộc ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H phải liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ vay là 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2024, ông Trương Văn T1 và ngày 05/4/2024, bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H thống nhất trình bày: vợ chồng T, bà C mở tiệm cầm đồ và cho vay. Bà C nhiều lần đến nhà của ông bà để thu tiền lãi, đến khi ông bà không còn khả năng trả nợ thì vợ chồng ông T, bà C kêu xe ba gác và nhiều người tới khiêng 02 chậu mai vàng khoảng 40-50 năm tuổi của ông bà để cản trừ nợ. Từ đó đến nay đã hơn 10 năm, hoàn toàn không có việc ông T nhiều lần đòi nợ như bà Q trình bày.

Bà Võ Thị Q trình bày: vợ của ông T là bà Lê Thị Hồng C1 kinh doanh tiệm cầm đồ. Ông T, bà C1 hoàn toàn không có mua hay chở 02 cây mai của ông T1, bà H; nếu sau này làm rõ có sự việc ông T, bà C1 chở mai thì xem như có sự việc cản trừ nợ xong như ông T1, bà H trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: bị đơn trình bày sau khi viết giấy nợ thì nguyên đơn cho người đến chở 02 cây mai cô thụ của bị đơn để cản trừ nợ, có nhiều người chứng kiến việc bị đơn chở mai. Tình tiết này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã trình bày bà C1 là vợ của nguyên đơn nhiều lần nhận tiền lãi và có tham gia vào việc cho người đến nhà bị đơn để chở mai. Do đó, xét thấy cần thiết phải đưa bà C1 tham gia tố tụng, đồng thời cần đối chất làm rõ giữa các đương sự và người làm chứng về việc có hay không việc chở 02 cây mai để cản trừ nợ mới đánh giá được toàn diện chứng cứ của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: ông Nguyễn Thanh T vắng mặt, nhưng có người đại diện là bà Võ Thị Q có mặt, nên việc vắng mặt này thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp có căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[5] Xét kháng cáo của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 và bà H cho rằng đã trả lãi tiền vay cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Hồng C1 với mức lãi suất là 5.000 đồng tiền lãi/1.000.000 đồng nợ gốc/ngày, trong đó bà C1 nhiều lần đến nhà của ông bà để nhận tiền lãi. Đến khi ông bà không còn khả năng trả nợ, thì vợ chồng ông T, bà C1 cùng nhiều người đến nhà của ông bà, lái xe ba gác chở đi 02 chậu cây mai vàng khoảng hơn 40 năm tuổi xem như cần trừ xong hết nợ. Sự việc vợ chồng ông T, bà C1 chở mai có nhiều người làm chứng. Trong khi đó, bà Q không giải thích được hợp lý nguyên nhân vì sao trong biên nhận nợ ngày 01/02/2012 thì thời hạn trả nợ chỉ có 06 tháng – nghĩa là chậm nhất ngày 01/8/2012 ông T1, bà H phải trả xong nợ, nhưng mãi đến ngày 25/5/2022 – nghĩa là gần 10 năm sau, thì ông T mới khởi kiện để yêu cầu ông T1, bà H trả tiền vay, trong khi bà Q xác nhận, giữa ông T, bà C1 và ông T1, bà H không có mối quan hệ họ hàng, bạn bè thân thiết gì và vợ chồng ông T, bà C1 kinh doanh cầm đồ, nghĩa là cho vay có tính lãi và có biện pháp bảo đảm thu hồi nợ. Như vậy, có hay không sự việc ông T, bà C1 chở 02 chậu mai vàng lâu năm để cần trừ nợ như bị đơn trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa bà C1 tham gia tố tụng, từ đó tiến hành đối chất giữa ông T, bà C1, ông T1, bà H và những người làm chứng về sự việc chở mai là ông Trương Công P, ông Võ Văn Đ, ông Ngô Văn K, mà chỉ căn cứ vào biên nhận do ông T1 viết để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là chưa đánh giá toàn diện các tình tiết khách quan liên quan đến vụ án. Do đó, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận, đồng thời, hai đương sự là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không cần tuyên hoàn trả tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H không phải chịu.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân – Phùng Thị Cẩm Hồng

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

